TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN DŨNG** TỈNH BẮC GIANG Bản án số: 34/2019/HNGĐ-ST Ngày 14/10/2019. V/v: Hôn nhân gia đình.	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Tân Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Ngọc Biên và bà Nguyễn Thị Tin.

- Thư ký phiên toà: Bà Lương Thị Nhẫn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Dũng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Dũng, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 153/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2019 về việc không công nhận là vợ chồng; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2019/QĐXX- ST ngày 09 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1972; *(Vắng mặt)*

STQ: Thôn S, xã L, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Hoàng Xuân Q, sinh năm 1972; *(Vắng mặt)*

STQ: Thôn Q, xã S, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tại Toà án nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày: Chị và anh Hoàng Xuân Q kết hôn năm 1991, trước khi cưới hỏi hai bên có được tự nguyện tìm hiểu và tổ chức cưới theo phong tục tập quán tại địa phương nhưng cho đến nay không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới xong chị về nhà anh Q làm dâu ngay, vợ chồng có thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc và có 01 con chung.

Sau khi về chung sống được khoảng 5 tháng, khi chị đã mang thai nhưng chỉ vì mâu thuẫn nhỏ trong việc sinh hoạt thường ngày mà anh Q cầm que củi đánh chị. Khi đó gia đình đóng gạch để bán nhưng do có thai sức khỏe yếu làm chậm, anh Q không thông cảm chửi và đánh đập chị, hậu quả thai chết lưu, bản thân chị do trước đó đã có một đời chồng nên vẫn cam chịu để mong có cuộc sống bình thường và để có chỗ lương tựa sau này, nhưng từ đó mỗi khi anh Q không bằng lòng việc sinh hoạt thường ngày là bị đánh và cũng thường xuyên như vậy đến mức độ bị đánh

nhiều thành quen, vợ chồng chị cũng lam lũ làm ăn nhưng kinh tế vẫn gặp nhiều khó khăn, anh Q thường xuyên rượu chè, không chịu làm ăn thu vén kinh thế gia đình, đã vậy cứ trái ý là đánh chị, nhưng đến khoảng cuối năm 2008 chị không thể cam chịu được nữa nên chị đã bỏ đi làm ăn không quay lại chung sống cùng anh Q nữa. Vợ chồng chính thức ly thân từ đó đến nay không quan tâm gì đến nhau, kinh tế không liên quan, kể từ khi ly thân cho đến nay anh chị cũng không liên lạc gì với nhau. Khi chị làm đơn xin ly hôn gửi đến Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng anh Q có gặp chị, muốn đón chị về đoàn tụ nhưng do xác định không còn tình cảm vợ chồng vì đã 9 năm ly thân, hơn nữa trong 9 năm ly thân anh Q cũng không hề thăm hỏi giỗ tết quan hệ gì với gia đình chị. Do vậy việc đoàn tụ là không thể nên chị vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận chị và anh Q là vợ chồng.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Hoàng Xuân Tr, sinh năm 1995, nay cháu đã trưởng thành việc cháu sống cùng ai là quyền của cháu nên chị không đặt thành yêu cầu giải quyết.

Về tài sản, vay nợ, ruộng đất: Không có gì vướng mắc, do vậy chị không đặt thành yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra chị không có yêu cầu đề nghị nào khác.

Phía anh Hoàng Xuân Q đã được Tòa án triệu tập đến trụ sở Tòa án cũng như Tòa án cùng chính quyền địa phương đến nơi cư trú làm việc nhưng anh Q không hợp tác nên không thể tiến hành ghi lời khai của anh Q được.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa nhận xét:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án: Việc thu thập chứng cứ đầy đủ, khách quan, đảm bảo trình tự tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa HĐXX, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo nguyên tắc xét xử công khai, trực tiếp bằng lời nói theo điều 51 và Điều 225 và điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ quy định tại điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 1 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Xử

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Phạm Thị T và anh Hoàng Xuân Q là vợ chồng.

Về con chung: Không giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ và ruộng đất nông nghiệp: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, còn đề nghị xử lý về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 06/6/2019 Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng tiến hành thụ lý vụ án. Chị Phạm Thị T đã đến tòa án thực hiện viết bản tự khai và cung cấp lời khai theo yêu cầu của Tòa án, tuy nhiên ngày 13/6/2019 chị T nộp đơn đề nghị vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và khi xét xử. Đối với anh Hoàng Xuân Q Tòa án đã tiến hành giao thông báo về việc thụ lý vụ án, niêm yết, triệu tập cũng như thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Hoàng Xuân Q, yêu cầu anh Q đến trụ sở Tòa án làm việc nhưng anh Q không đến Tòa án làm việc và không có lý do chính đáng, Tòa án cũng đã phối hợp cùng chính quyền địa phương đến nơi cư trú của anh Q để làm việc nhưng anh Q không hợp tác nên cũng không làm việc được với anh Q. Do vậy Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử khi chưa tiến hành lấy lời khai cũng như lập biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và làm thủ tục hòa giải giữa các đương sự là có căn cứ. Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử đối với anh Q, anh Q đã nhận nhưng không ký nhận và có sự chứng kiến của chính quyền địa phương. Ngày 25/9/2019 Tòa án đã tiến hành mở phiên tòa công khai tại trụ sở Tòa án nhưng anh Q vắng mặt, do vậy Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, đồng thời giao quyết định hoãn phiên tòa cho anh Q hợp lệ nhưng anh Q vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử theo trình tự thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Hoàng Xuân Q chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 1991, có tổ chức cưới theo phong tục tập quán địa phương nhưng hai bên không đi đăng ký kết hôn. Tòa án đã tiến hành làm việc với UBND xã Quỳnh Sơn nơi anh, chị sinh trú quán, song UBND xã S xác nhận qua kiểm tra sổ đăng ký kết hôn còn lưu trữ cho đến nay không có tên chị Phạm Thị T và anh Hoàng Xuân Q. Do vậy có cơ sở kết luận chị Phạm Thị T và anh Hoàng Xuân Q từ khi kết hôn cho đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định nên đã vi phạm điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Như vậy hôn nhân giữa chị Phạm Thị T và anh Hoàng Xuân Q không được pháp luật thừa nhận. Hội đồng xét xử xét thấy thực tế quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Q đã ly thân nhau từ cuối năm 2008 cho đến nay không còn quan hệ gì với nhau, bản thân chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Q. Bản thân anh Q có ý muốn chị T về đoàn tụ nhưng chị T không đồng ý quay lại chung sống cùng anh Q. Điều đó thể hiện cuộc sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 2 điều 53, khoản 1 điều 14 Luật hôn nhân và gia đình cần tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa chị Phạm Thị T và anh Hoàng Xuân Q.

[3] Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Hoàng Xuân Tr, sinh năm 1995. Hiện con chung đã trưởng thành nên chị T không có yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản, công nợ, ruộng đất nông nghiệp: Chị T và anh Q không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Phạm Thị T và anh Hoàng Xuân Q là vợ chồng.

- Về con chung: Không giải quyết.

- Về tài sản, công nợ, ruộng đất: Không giải quyết.

- Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2016/0002864 ngày 05/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng. Xác nhận chị T đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Yên Dũng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- UBND xã S, huyện Yên Dũng;
- Lưu HS, Vp.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Vũ Tân Thịnh